

Số: /BC-UBND Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

## BÁO CÁO

### Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021 - 2024

Thực hiện Văn bản số 986/ĐGS-VHGD ngày 09/10/2024 của Đoàn Giám sát chuyên đề của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc báo cáo thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; trên cơ sở tổng hợp, tham mưu của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh báo cáo như sau:

#### I. VIỆC THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2024

- Trong giai đoạn 2021 - 2024, việc phát triển và sử dụng nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt chú trọng thông qua nhiều văn bản luật, nghị quyết, nghị định và các chương trình hành động. Các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách được xây dựng nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều chính sách hỗ trợ tài chính đã được ban hành không những tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên có cơ hội học tập mà còn khuyến khích theo học các ngành nghề có nhu cầu cao.

- Tại Hà Tĩnh việc triển khai và cụ thể hóa các chủ trương phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được tỉnh đặc biệt quan tâm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng hướng dẫn việc học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện, tiến hành sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành các nghị quyết về lĩnh vực giáo dục, lao động quy định các chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách của Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực, nguồn nhân lực cao tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành các văn bản xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trong lĩnh vực giáo dục, lao động, trong đó chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm

đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và thị trường lao động trên địa bàn tỉnh (*chi tiết các văn bản của tỉnh ban hành tại Phụ lục kèm theo*).

- Việc thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ thời gian qua trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo đúng quy trình, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

- Ngoài ra, Hà Tĩnh đã ban hành các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, giai đoạn để bám sát với nhu cầu của cán bộ, công chức, viên chức và tình hình thực tiễn.

## **II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2024**

Hà Tĩnh là tỉnh nằm trong vùng Bắc Trung bộ, có diện tích 6.026,5 km<sup>2</sup>, dân số 1.314.100 người, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 821.285 người (chiếm khoảng 62,5 % dân số toàn tỉnh), lực lượng lao động nam 452.027 người (chiếm 55,04%), nữ 369.258 người (chiếm 44,96%).

### **1. Đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước ở địa phương**

- Quy mô cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) của tỉnh Hà Tĩnh tính đến thời điểm 31/12/2023: tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập là 30.588 người; cơ cấu, gồm 1.958 cán bộ, công chức, 28.630 viên chức; về trình độ chuyên môn, tiến sĩ 94 người (chiếm 0,31%), thạc sĩ 2.605 người (chiếm 8,51%), đại học 22.790 người (chiếm 74,51%), còn lại 5.099 người (chiếm 16,67%).

- Năng suất lao động của CBCCVC trong giai đoạn này có nhiều chuyển biến tích cực, các cơ quan Nhà nước trong tỉnh đã triển khai các chương trình cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giúp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả công việc, các chương trình bồi dưỡng, đào tạo cho cán bộ, công chức đã được tổ chức thường xuyên và không ngừng nâng cao chất lượng, giúp nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng làm việc của CBCCVC trong toàn tỉnh.

- Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại: nhiều cán bộ, công chức, viên chức mặc dù đã được đào tạo bài bản, nhưng một số người thiếu hụt về kỹ năng và năng lực chuyên môn, chưa chịu khó cập nhật kiến thức mới dẫn đến việc thực hiện nhiệm vụ chưa hiệu quả. Trang thiết bị làm việc tại một số cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu công việc, ảnh hưởng đến khả năng làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Mức lương và chế độ đãi ngộ chưa tương xứng với công sức và trách nhiệm của CBCCVC dẫn đến tình trạng một số bộ phận CBCCVC thiếu động lực trong công việc, một số CBCCVC có xu hướng tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn ở khu vực ngoài Nhà nước.

### **2. Đối với tổ chức, các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp ngoài quốc doanh; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; doanh nghiệp liên doanh) ở địa phương**

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có 10.940 doanh nghiệp, hợp tác xã, đang sử dụng 153.352 lao động. Trong đó: lao động làm việc tại doanh nghiệp: 97.820 người (doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu: 1.206 lao động; doanh nghiệp cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước: 1.737 lao động; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 10.400 lao động; doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp thuộc các loại hình khác là 84.477 lao động); lao động làm việc tại các hợp tác xã: 55.532 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo chung 78% vượt 2,63% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Hà Tĩnh lần thứ XIX. Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào có bằng cấp chứng chỉ đạt 34% (bình quân chung của cả nước tại thời điểm 31/12/2024 là 28,1%).

- Số lao động đi làm việc ngoại tỉnh là 110.569 người (không tính số học sinh, sinh viên đang học tập tại các tỉnh, thành phố); lao động đi làm việc ở nước ngoài: 76.191 người đang làm việc tại 60 quốc gia và vùng lãnh thổ.

- Chất lượng lao động tại các doanh nghiệp Hà Tĩnh đang ở mức trung bình và có sự chênh lệch rõ rệt giữa các ngành nghề. Một số doanh nghiệp lớn, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp chế biến và xây dựng có đội ngũ lao động chất lượng cao hơn, tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp khó khăn trong việc tuyển dụng và duy trì nhân lực lao động có kỹ năng cao.

- Về thực hiện chính sách tiền lương, tiền công: mức lương bình quân của người lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là 10,3 triệu đồng/người/tháng. Theo kết quả điều tra, tại thời điểm tháng 12/2024: mức lương cao nhất: 185,5 triệu đồng/người/tháng (Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2), 84 triệu đồng/người/tháng (Viễn thông Hà Tĩnh); tiếp đến với mức lương: 53 triệu đồng/người/tháng (Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam) và một số doanh nghiệp có vốn góp Nhà nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng có mức lương trên 25 triệu đồng/người/tháng; mức lương thấp nhất: 3,450 triệu đồng/người/tháng chủ yếu ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Về tuyển dụng và quản lý lao động, thông tin thị trường lao động: trong các năm qua tình hình tuyển và sử dụng lao động cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng lao động cả về số lượng và chất lượng. Việc khảo sát, dự báo nhu cầu sử dụng lao động, kết nối thông tin thị trường lao động từng bước được quan tâm chỉ đạo; hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm Hà Tĩnh đã từng bước phát huy hiệu quả. Trong giai đoạn 2021 - 2024, tổ chức được 351 phiên giao dịch việc làm tại sàn giao dịch việc làm, 72 phiên dành cho doanh nghiệp lớn (trong đó có các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Vũng Áng như Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa, Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh, Công ty Cổ phần Giải pháp năng lượng Vines Hà Tĩnh,...) thu hút khoảng gần 75.000 lượt người lao động và 3.286 doanh nghiệp tham gia; tư vấn, giới thiệu việc làm cho gần 42.000 lượt lao động và đã có 8.230 người được các doanh nghiệp tuyển dụng.

- Về quản lý bảo hiểm xã hội: theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội tỉnh, đến nay toàn tỉnh Hà Tĩnh có 168.916 lao động tham gia bảo hiểm xã hội gồm: 97.822 lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, 66.799 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, 4.295 lao động tham gia bảo hiểm xã hội ở Bộ Quốc phòng, Bộ Công An. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 94%.

- Đánh giá chung của địa phương về nhân lực Việt Nam so với các nước trong khu vực: trình độ học vấn của lao động Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Số lượng tiến sĩ, thạc sĩ và sinh viên, học sinh tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và trung cấp ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập. Lao động Việt Nam có khả năng linh hoạt và sáng tạo trong tư duy, sáng tạo trong việc giải quyết vấn đề, điều này giúp lao động Việt Nam nhanh chóng nắm bắt công nghệ mới và cải tiến quy trình làm việc. Bên cạnh đó, lao động Việt Nam còn nổi tiếng với tinh thần làm việc chăm chỉ và sự kiên trì, chịu khó, nghiêm túc trong công việc và tinh thần cầu tiến giúp họ dễ dàng thích ứng và phát triển trong môi trường làm việc đa dạng.

Tuy vậy, kỹ năng nghề nghiệp của lao động Việt Nam mặc dù đã được nâng lên nhưng vẫn còn một số hạn chế. Vẫn còn có tình trạng sinh viên ra trường chưa thích ứng được với môi trường làm việc thực tế, chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân lực chất lượng. Ngoài ra, nhiều lao động Việt Nam có kỹ năng chuyên môn tốt nhưng lại không thể làm việc hiệu quả trong các tình huống cần giao tiếp ngoại ngữ hoặc phối hợp làm việc nhóm với đồng nghiệp. Ngược lại, lao động tại các nước như Thái Lan và Malaysia thường được đào tạo kỹ năng mềm tốt hơn.

### **3. Tình trạng dịch chuyển lao động có trình độ chuyên môn cao khu vực công sang khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tình trạng “chảy máu chất xám” (lao động chất lượng cao là người Việt Nam được đào tạo ở nước ngoài không về nước)**

- Về chuyển dịch cơ cấu về lao động phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương, giảm tỷ trọng lao động trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp và tăng trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, tình trạng chuyển dịch lao động có trình độ chuyên môn cao khu vực công sang khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2024 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh không nhiều.

- Tình trạng “chảy máu chất xám” (*CBCVC được đào tạo ở nước ngoài không về nước*): theo thống kê giai đoạn 2021 - 2024, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có 02 viên chức được cử đi đào tạo tại nước ngoài không trở về nước công tác (01 viên chức được cử đi nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Công nghệ Sydney, Australia; 01 viên chức được cử đi nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Macquarie, Australia).

## **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2024**

### **1. Về phát triển nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao**

#### **1.1. Kết quả đạt được**

- Trình độ giáo dục đại học: tỉnh Hà Tĩnh có Trường Đại học Hà Tĩnh đang đào tạo 23 mã ngành, quy mô tuyển sinh 804 sinh viên/năm. Từ 2021 đến nay, nhà trường đã đào tạo 2.483 sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường đạt 95%, trong đó nữ 92%. Đội ngũ cán bộ, giáo viên của trường gồm 165 người, trong đó

tiên sĩ 36, thạc sĩ 127, đại học 02; có 07 cán bộ, giáo viên được cử đi đào tạo tại nước ngoài. Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Về giáo dục nghề nghiệp: toàn tỉnh Hà Tĩnh hiện có 21 cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 02 trường cao đẳng được lựa chọn đầu tư thành trường chất lượng cao đến năm 2020 theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020” và Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025”. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có năng lực đào tạo trên 100 ngành, nghề ở các cấp trình độ với quy mô tuyển sinh là 31.595 người, trong đó có 25 ngành nghề trọng điểm (nghề trọng điểm cấp độ quốc tế: 6 nghề; cấp độ ASEAN: 6 nghề; cấp độ quốc gia: 13 nghề) tại 07 trường được phê duyệt theo Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Toàn tỉnh có 793 nhà giáo tham gia giảng dạy tại các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó có: 07 nhà giáo có trình độ tiến sĩ (chiếm 0,9%), 208 nhà giáo có trình độ thạc sĩ (chiếm 26,2%); 372 nhà giáo có trình độ đại học (chiếm 46,9%), 94 nhà giáo có trình độ cao đẳng (chiếm 11,9%); 112 nhà giáo trình độ trung cấp (chiếm 14,1%).

- Về trường chuyên trung học phổ thông: tỉnh Hà Tĩnh có Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên: 02 tiến sĩ, 54 thạc sĩ, 48 cử nhân. Từ năm 2021 đến nay, có 05 giáo viên được tuyển dụng mới về giảng dạy tại trường theo chính sách thu hút nhân tài. Hàng năm có khoảng hơn 1.260 học sinh theo học, số lượng học sinh giỏi quốc gia của trường chiếm tỉ lệ lớn trong toàn tỉnh, góp phần đưa thành tích học sinh giỏi quốc gia của tỉnh xếp top đầu cả nước, có những năm xếp thứ 2 cả nước về số lượng giải nhất. Đặc biệt, trong 03 năm liên tiếp gần đây, trường có 03 em đoạt huy chương quốc tế (02 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc). Tỉ lệ học sinh đậu đại học đạt 100%; cơ bản các em học ở các trường đại học lớn, có uy tín trong nước, nhiều em đi du học ở các trường nổi tiếng trên thế giới.

- Về Trường THCS&THPT Dân tộc nội trú Hà Tĩnh: Nhà trường hiện có 02 thạc sĩ, 21 cử nhân, nhân viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn. Quy mô học sinh hàng năm, khoảng từ 150 đến 200 em. Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%. Tỉ lệ học sinh THPT tốt nghiệp cơ bản đạt 100%. Tỉ lệ học sinh đậu các trường đại học, cao đẳng hàng năm đạt từ 40% đến 50%.

- Về công tác phân luồng, hướng nghiệp: ngày càng đạt được nhiều kết quả tích cực, giúp học sinh nắm bắt được năng lực, năng khiếu, sở trường để định hướng, lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân, phù hợp với nhu cầu của thời đại. Số lượng học sinh lựa chọn vào học ở các trường dạy nghề cũng có nhiều chuyển biến tích cực, hàng năm có khoảng 25 - 30 % số học sinh tốt nghiệp THCS vào các trường trung cấp, cao đẳng.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhân lực chất lượng cao của tỉnh được quan tâm đúng mức. giai đoạn 2021 - 2024, tỉnh Hà Tĩnh đã cử đi đào tạo đại học,

sau đại học theo danh mục ngành nghề tinh cần 156 người, trong đó: 02 bác sĩ; 141 thạc sĩ và bác sĩ chuyên khoa cấp I; 05 bác sĩ chuyên khoa cấp II; 07 tiến sĩ đào tạo trong nước và 01 tiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài; tổng kinh phí ước khoảng 7.860 triệu đồng và đã chi trả 4.768 triệu đồng.

- Công tác bảo đảm công bằng xã hội và bình đẳng giới trong đào tạo nguồn nhân lực được chú trọng. Trong những năm qua, tỉnh Hà Tĩnh đã có nhiều nỗ lực nhằm bảo đảm công bằng xã hội và bình đẳng giới trong đào tạo nguồn nhân lực. Những kết quả đạt được không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của địa phương. Tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành các chính sách đặc thù để hỗ trợ khuyến khích CBCCVN nữ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao như thạc sĩ, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II, các chính sách hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên ở vùng khó khăn và các chương trình đào tạo nghề cho phụ nữ đã được triển khai rộng rãi, nhằm tạo điều kiện cho mọi đối tượng có cơ hội tiếp cận giáo dục và đào tạo. Tỷ lệ nữ giới tham gia vào các khóa đào tạo nghề và chương trình đào tạo chuyên môn ngày càng tăng, phản ánh sự nỗ lực trong việc xóa bỏ rào cản giới tính trong giáo dục. Bên cạnh đó, các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong giáo dục cũng đã được đẩy mạnh. Nội dung giáo dục về bình đẳng giới được tích hợp, lồng ghép vào các chủ đề đạo đức và pháp luật giảng dạy trong các trường học; đưa nội dung về bình đẳng giới trong các chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước, lý luận chính trị,.... Điều này, góp phần thay đổi nhận thức của xã hội và thúc đẩy việc đảm bảo bình đẳng giới trong đào tạo nguồn nhân lực.

- Công tác phát triển thể chất, tinh thần, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống được quan tâm thực hiện ở tất cả các cấp, các ngành theo chủ trương, đường lối của Đảng và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về tầm quan trọng của việc phát triển, sử dụng nguồn lực, nhất là nhân lực chất lượng cao được chú trọng và thực hiện nghiêm túc. Đổi mới, đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền, đẩy mạnh truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống báo cáo viên các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, trường học, tổ chức các hội thảo, hội nghị tư vấn học nghề - giới thiệu việc làm, các phiên giao dịch việc làm, tư vấn tuyển sinh của các cơ sở đào tạo,...

## 1.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế:

+ Công tác tuyển sinh của trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn.

+ Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay chủ yếu thông qua chương trình mục tiêu quốc gia hoặc hỗ trợ của Trung ương; nguồn ngân sách của tỉnh Hà Tĩnh đầu tư cho phát triển nghề trọng điểm vẫn còn hạn chế; nguồn lực huy động xã hội hóa phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp từ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp còn thấp. Do vậy, hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề tại một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp vẫn còn thiếu và

chưa nâng cấp, cập nhật để theo kịp với tốc độ thay đổi của thị trường, đặc biệt là các lĩnh vực về công nghệ.

+ Năng lực chuyên môn, trình độ ngoại ngữ của một số cán bộ, giáo viên vẫn còn có những mặt còn hạn chế, thiếu đội ngũ giáo viên đạt chuẩn cấp độ quốc tế và khu vực.

- Nguyên nhân:

+ Học sinh tốt nghiệp THPT đa số đi học đại học hoặc lựa chọn du học, xuất khẩu lao động. Bên cạnh đó, môi trường làm việc, thu nhập của đa số học sinh, sinh viên sau học nghề chưa cao, chưa tạo động lực cho nhiều người có học lực khá, giỏi đi học nghề, hành nghề do đó số lượng tuyển sinh còn gặp nhiều khó khăn chưa đáp ứng so với yêu cầu.

+ Cơ chế chính sách thu hút nhà giáo giỏi, kỹ sư có tay nghề giỏi phục vụ công tác đào tạo đã được triển khai tuy nhiên chưa thu hút được nhân lực có tay nghề cao vào làm việc; điều kiện, môi trường làm việc chưa hấp dẫn đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; số lượng nhà giáo giỏi, các chuyên gia, kỹ sư giỏi, nghệ nhân tham gia đào tạo còn ít; một số nhà giáo trình độ ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học còn hạn chế nên khó tiếp cận các chương trình đào tạo tiên tiến.

+ Mục tiêu của đào tạo nghề để cung ứng nguồn lao động có kỹ năng nghề, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, trên cơ sở nhà nước quan tâm đầu tư, hỗ trợ kinh phí gắn với công tác xã hội hóa. Việc tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo làm học phí tăng cao, không thu hút người đi học nghề.

+ Ngoài việc mức đãi ngộ của cơ quan quản lý CCVC trước khi đi đào tạo thấp hơn thì còn do quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: “1. Chi phí đền bù bao gồm học phí và tất cả các khoản chi khác phục vụ cho khóa học, không tính lương và các khoản phụ cấp (nếu có)”, đồng nghĩa với việc chưa nhận kinh phí hỗ trợ thì không phải đền bù, ngân sách phải trả lương và các khoản phụ cấp (nếu có) cho đối tượng này trong cả quá trình đào tạo. Điều này dẫn đến một số CCVC tự ý không thực hiện nghĩa vụ sau khi được đào tạo.

## **2. Về sử dụng nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao**

### **2.1. Kết quả đạt được**

- Công tác tuyển dụng nguồn nhân lực: việc tuyển dụng công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch; đội ngũ công chức, viên chức được tuyển dụng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm. Hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức đã được cập nhật trên hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị có phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ với số lượng, cơ cấu phù hợp với yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo quy mô giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo với giải quyết việc làm và thị trường lao động.

- Chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực chất lượng cao là một trong những giải pháp quan trọng để kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Chính sách này thể hiện sự quan tâm, tạo điều kiện của các cấp, các ngành trong việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, phục vụ cho nhu cầu phát triển đi lên của tỉnh Hà Tĩnh (hỗ trợ sau tiếp nhận cho 52 đối tượng, trong đó có 01 giáo viên về công tác tại huyện Lộc Hà, 26 bác sĩ về các bệnh viện tuyến tỉnh, 25 bác sĩ về công tác tại các trung tâm y tế tuyến huyện, số tiền hỗ trợ là 1.940 triệu đồng. Chi trả 1.418 triệu đồng chế độ thưởng cho 249 lượt cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, học sinh, văn nghệ sĩ, nghệ nhân được cơ quan có thẩm quyền cử tham dự xét, dự thi đạt giải trong các cuộc thi chính thức của quốc tế, quốc gia, khu vực, tỉnh hoặc được bổ nhiệm chức danh, tặng danh hiệu hoặc có thành tích nghiên cứu khoa học, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm. Kết quả tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ giai đoạn 2021 - 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 165 chỉ tiêu, có 67 thí sinh tham gia nộp hồ sơ ứng tuyển, trong đó, có 49 thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; tuyển dụng được 35 thí sinh/49 thí sinh đủ điều kiện, trong đó, có 13 sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, 22 cán bộ khoa học trẻ. Ngoài ra, tỉnh còn ban hành các chính sách ưu tiên cho đối tượng đặc thù: làm việc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, làm việc trong các ngành, nghề độc hại, nguy hiểm, dạy nghề, việc làm cho người khuyết tật,...

- Tỉnh luôn chú trọng công tác bảo đảm công bằng xã hội và bình đẳng giới trong sử dụng nguồn nhân lực. Năm 2024, số lượng nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là 16/53 đại biểu (chiếm tỉ lệ 30,19%), cấp huyện là 120/409 đại biểu (chiếm tỉ lệ 29,34%), cấp xã là 1508/4956 đại biểu (chiếm 30,43%). Tỉ lệ sở, ban, ngành, đoàn thể có cán bộ lãnh đạo chủ chốt chiếm 29,2%. Số lượng chính quyền địa phương cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ 06/13 (chiếm tỉ lệ 46,15%), số lượng chính quyền địa phương cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ: 112/216 (chiếm tỉ lệ 51,9%).

- Công tác thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài đến làm việc, giảng dạy, nghiên cứu tại Hà Tĩnh có nhiều chuyển biến tích cực. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1.619 người lao động nước ngoài đang làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị, trung tâm ngoại ngữ với các vị trí công tác gồm: 55 nhà quản lý, 23 giám đốc điều hành, 721 chuyên gia, 820 lao động kỹ thuật. Người lao động nước ngoài đến làm việc tại Hà Tĩnh có trình độ từ đại học trở lên chiếm trên 55%, còn lại tốt nghiệp cao đẳng hoặc có trình độ tay nghề kỹ thuật cao trong các lĩnh vực: điện, xây dựng công trình, bảo dưỡng máy móc, thi công,...

## 2.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Việc khai thác, sử dụng các nguồn nhân lực trên từng lĩnh vực vẫn chưa phát huy hết tiềm năng; việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực chưa hợp lý, hiệu quả chưa cao. Chất lượng nguồn nhân lực nhìn chung vẫn còn thấp, cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo còn chưa hợp lý, thiếu hụt nhân lực là kỹ sư thực hành, công nhân kỹ thuật bậc cao, trình độ ngoại ngữ hạn chế, thiếu các kỹ năng mềm.

- Chính sách thu hút nhà giáo giỏi, kỹ sư có tay nghề giỏi phục vụ công tác đào tạo đã được triển khai tuy nhiên chưa thu hút được nguồn nhân lực cao vào làm việc do



điều kiện, môi trường làm việc chưa thực sự hấp dẫn đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong đào tạo lao động chất lượng cao; số lượng nhà giáo giỏi, các chuyên gia, kỹ sư giỏi, nghệ nhân tham gia công tác đào tạo còn ít; các chuyên gia nước ngoài tham gia đào tạo chủ yếu thông qua các chương trình dự án của Trung ương.

- Công tác kết nối cung - cầu trên thị trường lao động chưa được quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, do nhiều khó khăn trong huy động nguồn lực nên chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG, BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

**1. Đánh giá chung:** công tác tuyên truyền cơ chế chính sách đã được thực hiện sâu rộng đến mọi tầng lớp Nhân dân, bước đầu đã làm thay đổi nhận thức và có những kết quả tích cực trong việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh. Tuy nhiên, quy mô và chất lượng vẫn chưa đáp ứng theo nhu cầu thực tế do một phần chính sách chưa đủ mạnh để hấp dẫn người tài trong xu thế cạnh tranh mạnh mẽ từ các địa phương khác; ngoài ra tâm lý muốn ly hương để lập nghiệp cũng là một rào cản không nhỏ trong việc thực hiện chính sách thu hút đối với con em Hà Tĩnh.

#### **2. Bài học kinh nghiệm**

- Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với việc phát triển giáo dục và đào tạo. Nâng cao chính trị tư tưởng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành, trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần đổi mới của đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức.

- Tăng cường công tác kiểm tra, tư vấn, chấn chỉnh kỷ cương, nề nếp. Chú trọng công tác tổng kết, sơ kết, đánh giá kịp thời để từ đó bổ sung điều chỉnh, biểu dương các cá nhân, tập thể điển hình về đổi mới, sáng tạo trong công việc mang lại kết quả nổi bật.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục huy động nhiều nguồn lực, phối kết hợp tốt giữa các ban, ngành, đoàn thể, cơ sở giáo dục đào tạo, gia đình và địa phương quản lý giáo dục học sinh, xây dựng cơ sở vật chất trường học để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

#### **V. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ**

##### **1. Nhóm giải pháp về thể chế chính sách**

- Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, với nhận thức phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền các cấp đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo. Phát huy vai trò của mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đối với phát triển giáo dục và đào tạo. Xác định đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, có các chính sách phù hợp ưu đãi đối với giáo dục đào tạo.

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo, đặc biệt đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để các cấp, các ngành và Nhân

dân có nhận thức đúng, đầy đủ, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Tiếp tục rà soát các nhiệm vụ, chỉ tiêu để bổ sung vào kế hoạch, nghị quyết của các cấp ủy Đảng, hội đồng nhân dân các cấp và chương trình phát triển kinh tế hàng năm của các địa phương, đơn vị, tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao.

## **2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện**

- Thực hiện đồng bộ phân cấp trong quản lý Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng góp phần xây dựng đội cán bộ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị có phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ với số lượng, cơ cấu phù hợp với yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ.

- Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục, các điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính, đảm bảo công khai, dân chủ, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý. Đẩy mạnh công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ tại các cơ sở giáo dục, giám sát xã hội đối với chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo.

## **3. Nhóm giải pháp về nguồn lực**

- Rà soát, đánh giá, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để có kế hoạch bồi dưỡng phù hợp theo hướng đáp ứng đòi hỏi phương pháp, năng lực. Sắp xếp bố trí hợp lý đội ngũ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị.

- Tham mưu tuyển dụng đủ số lượng theo biên chế được giao hàng năm; bố trí, phân công đội ngũ đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng. Thường xuyên rà soát bổ sung nguồn quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ kịp thời, đúng quy định. Đảm bảo cán bộ bổ nhiệm lần đầu là những người đã được đào tạo, bồi dưỡng hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn quy định, không bổ nhiệm khi chưa đủ điều kiện, tiêu chuẩn và nằm ngoài quy hoạch.

- Phát huy vai trò phong trào tự học, tự bồi dưỡng trong cán bộ, công chức, viên chức để cập nhật kiến thức, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp.

- Tham mưu, hỗ trợ các chính sách đãi ngộ xứng đáng để thu hút sinh viên giỏi thuộc các lĩnh vực, ngành nghề về công tác tại tỉnh, tổ chức nhiều hình thức và có chế độ để tôn vinh cán bộ quản lý giỏi, tâm huyết với nghề, nâng cao vị thế trong xã hội.

## **4. Đề xuất, kiến nghị**

- Bộ Nội vụ: tham mưu, đề xuất Chính phủ sửa đổi quy định về kinh phí đền bù kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: quan tâm đầu tư trang thiết bị cho các trường được giao nhiệm vụ đào tạo các nghề trọng điểm cấp quốc gia, cấp khu vực ASEAN, cấp quốc tế theo Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm,

trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: quan tâm bố trí vốn đầu tư phát triển, vốn chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án, đề án trọng điểm quốc gia trong giai đoạn trung hạn tiếp theo để thực hiện Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển nhân lực.

- Bộ Tài chính: bố trí kinh phí sự nghiệp theo phân cấp ngân sách Nhà nước cho các trường đại học, cao đẳng chất lượng cao để nâng cao năng lực, nhân rộng mô hình đào tạo các ngành, nghề chất lượng cao, phát huy hiệu quả các bộ chương trình đào tạo chuyên giao của Australia, Cộng hòa Liên bang Đức và các chương trình hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong quá trình sản xuất.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (tổng hợp);
- Chánh VP, PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, VX<sub>2</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Châu**

**Phụ lục****Báo cáo việc thực hiện các chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn lực, nhất là nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021 - 2024**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2025  
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

**1. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn lực, nhất là nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021 - 2024**

| <b>TT</b> | <b>Tên văn bản</b>   | <b>Ngày ban hành</b> | <b>Cơ quan ban hành</b> |
|-----------|--|----------------------|-------------------------|
| 1.        | Chỉ thị số 10-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.   | 15/6/2021            | Tỉnh ủy Hà Tĩnh         |
| 2.        | Thông báo kết luận số 528-TB/TU của Thường trực Tỉnh ủy về công tác quy hoạch, đầu tư phát triển các trường dạy nghề.  | 21/4/2022            |                         |
| 3.        | Báo cáo số 108/BC-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn”. | 22/7/2022            |                         |
| 4.        | Báo cáo số 433-BC-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao”.                | 15/07/2024           |                         |
| 5.        | Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND về việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh áp dụng cho năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh.    | 17/07/2021           | HĐND tỉnh Hà Tĩnh       |
| 6.        | Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025.   | 16/12/2021           |                         |
| 7.        | Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND về "Quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025".   | 15/7/2022            |                         |

|     |  |            |                   |
|-----|--|------------|-------------------|
| 8.  | Nghị quyết số 115/2023/NQ-HĐND về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022 - 2025. | 08/12/2023 |                   |
| 9.  | Kế hoạch số 48/KH-UBND về việc thực hiện Nghị quyết số 262/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.  | 24/4/2021  | UBND tỉnh Hà Tĩnh |
| 10. | Kế hoạch số 403/KH-UBND về việc thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025.  | 17/9/2021  |                   |
| 11. | Kế hoạch số 36/KH-UBND về việc thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.   | 15/02/2022 |                   |
| 12. | Quyết định số 2586/QĐ-UBND về ban hành danh mục ngành nghề cần đào tạo, thu hút và hỗ trợ sau tuyển dụng của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025 và bổ sung danh mục tại Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 06/8/2024.   | 19/12/2022 |                   |
| 13. | Kế hoạch số 149/KH-UBND về thực hiện chương trình Chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.  | 27/4/2023  |                   |
| 14. | Quyết định số 42/QĐ-UBND quy định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn Hà Tĩnh.  | 31/10/2023 |                   |

**2. Biểu tổng hợp chi ngân sách địa phương thực hiện các chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn lực, nhất là nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021 - 2024**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

| TT | Nội dung  | Năm 2021        | Năm 2022        | Năm 2023       | Năm 2024        |
|----|---|-----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| 1  | <b>Tổng chi ngân sách địa phương</b>                                    | <b>19.378,3</b> | <b>17.759,9</b> | <b>19.588</b>  | <b>28.569,5</b> |
| 2  | <b>Tổng chi ngân sách địa phương cho giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b> | <b>4.380,0</b>  | <b>4.656,8</b>  | <b>4.980,6</b> | <b>6.282,9</b>  |
|    | <i>- Tỷ trọng trong chi ngân sách địa phương (%)</i>                    | 22,6%           | 26,2%           | 25,4%          | 22%             |

|      |  |                |                |                |                |
|------|--|----------------|----------------|----------------|----------------|
|      | Chia ra:   |                |                |                |                |
| 2.1. | Chi đầu tư phát triển  | <b>903,8</b>   | <b>955,7</b>   | <b>1.020,9</b> | <b>1.182,3</b> |
|      | - Tỷ trọng trong chi ngân sách địa phương cho giáo dục - đào tạo và dạy nghề (%)   | 21%            | 21%            | 20%            | 19%            |
| 2.2. | Chi thường xuyên   | <b>3.476,2</b> | <b>3.701,1</b> | <b>3.959,7</b> | <b>5.100,6</b> |
|      | - Tỷ trọng trong chi ngân sách địa phương cho giáo dục - đào tạo và dạy nghề (%)   | 79%            | 79%            | 80%            | 81%            |
| 3    | Xã hội hóa   |                |                |                |                |
| 4    | Kinh phí trọng dụng nhân tài được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm (nếu có) | 2              | 10             | 10             | 10             |

### 3. Tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực

| TT | Đơn vị       | Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp nhà nước |          |         |         |       | Các tổ chức, các loại hình doanh nghiệp |                   |   |
|----|--------------|--|----------|---------|---------|-------|---|-------------------|---|
|    |              | Tổng                                   | Trong đó |         |         |       | Tổng                                    | Trong đó          |   |
|    |              |  | Tiến sĩ  | Thạc sĩ | Đại học | Khác  |   | Tỷ lệ qua đào tạo | Tỷ lệ qua đào tạo có bằng cấp/chứng chỉ |
| I  | Tỉnh Hà Tĩnh | 30.588                                 | 94       | 2.605   | 22.790  | 5.099 | 153.352                                 | 78%               | 34%                                     |